**BÁO CÁO KẾT QUẢ ỨNG DỤNG CNTT NĂM 2018 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ỨNG DỤNG CNTT NĂM 2019 TẠI CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

*(Kèm theo Công văn số /CV - TTCNTT ngày tháng năm 2018*

*của Trung tâm Công nghệ thông tin)*

### MỤC 1. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ quan báo cáo: ……

2. Địa chỉ: ……

3. Điện thoại: …… Fax: ……

4. Thư điện tử liên hệ: ……

5. Địa chỉ trang/cổng thông tin điện tử (Website/Portal) chính thức: ……

6. Tổng số đơn vị thuộc, trực thuộc cơ quan: ……

7. Tổng số cán bộ, công chức, viên chức của toàn đơn vị [[1]](#footnote-2): ……

Trong đó:

- Tổng số cán bộ thuộc biên chế:......................

- Tổng số cán bộ ký hợp đồng: .....................

**MỤC 2. THÔNG TIN LIÊN HỆ**

1. Họ và tên người thực hiện báo cáo: ……

2. Đơn vị công tác: ……

3. Chức vụ: ……

4. Điện thoại cố định: …… Điện thoại di động: ……

5. Thư điện tử: ……

**MỤC 3: NỘI DUNG BÁO CÁO**

**1. Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) để công bố, công khai thông tin, kết quả giải quyết thủ tục hành chính**

Danh sách các cơ quan, đơn vị có trang thông tin hoặc cổng thông tin điện tử liệt kê theo bảng sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Danh sách đơn vị có trang/ cổng thông tin điện tử | Cổng thông tin điện tử thành phần hay cổng/trang thông tin điện tử độc lập |
| 1 |  | ❑ Thành phần ❑ Độc lập |
| 2 |  | ❑ Thành phần ❑ Độc lập |
| 3 |  | ❑ Thành phần ❑ Độc lập |
| ... |  | …. |

*Chú ý: Với những đơn vị có nhiều đơn vị trực thuộc cấp dưới, đề nghi liệt kê đầy đủ danh*

**3. Cung cấp dịch vụ công trực tuyến**

a. Tổng số thủ tục hành chính: …................ thủ tục

b. Tổng số dịch vụ công trực tuyến mức độ 1, 2: …................. dịch vụ

c. Tổng số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3: …................. dịch vụ

d. Các đơn vị căn cứ Quyết định 877/QĐ-TTg ngày 18/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 để các Bộ, ngành, địa phương thực hiện trong các năm 2018 – 2019 và Quyết định 3767/QĐ-BKHCN ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt Lộ trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến tại Bộ Khoa học và Công nghệ năm 2018, báo cáo kết quả thực hiện theo bảng sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên dịch vụ công | Mức độ triển khai theo lộ trình 2018 của Bộ. | Mức độ cung cấp hiện tại | Địa chỉ đăng tải  dịch vụ | Tổng số hồ sơ tiếp nhận, xử lý trên môi trường mạng | Tổng số hồ sơ thực tế tiếp nhận, xử lý (bao gồm cả trực tuyến, trực tiếp) từ 01/01/2018 đến 31/10/2018 | Ghi chú  (ghi rõ lý do nếu chưa triển khai theo Lộ trình của Bộ) |
|  | ….. |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |

- Việc thực hiện gửi, nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) tại đơn vị qua dịch vụ bưu chính theo quy định được thực hiện thế nào?

.....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

- Các nội dung, giải pháp đã thực hiện để khuyến khích, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp trong việc tiếp cận, sử dụng hiệu quả các dịch vụ công trực tuyến:

..................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**3. Ứng dụng CNTT tại Bộ phận một cửa trong việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính (TTHC)**

3.1. Số cơ quan, đơn vị đã ứng dụng CNTT tại bộ phận một cửa:……………

3.2. Tin học hóa việc tiếp nhận và xử lý hồ sơ tại bộ phận một cửa

a) Cách thức triển khai

❑ Đồng bộ trên toàn cơ quan (mua tập trung và triển khai đồng bộ cho tất cả các đơn vị thuộc và trực thuộc)

- Tên phần mềm: ……

- Tên nhà cung cấp (nếu có): ……

❑ Riêng lẻ theo từng đơn vị (các đơn vị tự mua, tự triển khai)

b) Khả năng xử lý hồ sơ tại bộ phận một cửa

- Khả năng liên thông của hệ thống:

❑ Liên thông theo chiều ngang (giữa các đơn vị trực thuộc)

❑ Liên thông theo chiều dọc (với các đơn vị cấp dưới trực thuộc)

- Tra cứu thông tin và trạng thái giải quyết hồ sơ:

❑ Qua hệ thống màn hình cảm ứng tại trụ sở đơn vị

❑ Qua Internet

❑ Qua tin nhắn SMS (điện thoại di động)

❑ Qua hình thức khác, nêu rõ hình thức: ……

c) Hiệu quả sử dụng trong năm

- Số lượng hồ sơ tiếp nhận qua bộ phận một cửa: ……

- Số lượng hồ sơ được giải quyết đúng hạn: ……

3.3. Việc luân chuyển hồ sơ thủ tục hành chính giữa các bộ phận, đơn vị liên quan trong quá trình giải quyết TTHC

❑ Luân chuyển toàn bộ hồ sơ

❑ Trích yếu thông tin (ghi rõ hồ sơ đi kèm thực hiện như thế nào)…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**4. Ứng dụng CNTT trong hoạt động nội bộ**

4.1. Triển khai hệ thống quản lý văn bản và điều hành, sử dụng văn bản điện tử

Tình hình sử dụng văn bản điện tử cụ thể như sau:

+ Tỉ lệ văn bản đi/đến được chuyển hoàn toàn trên môi trường mạng   
(hoàn toàn không dùng văn bản giấy) trên tổng số văn bản đi/đến trong nội bộ đơn vị (%): ……

+ Tỉ lệ văn bản đi/đến được chuyển hoàn toàn trên môi trường mạng (hoàn toàn không dùng văn bản giấy) trên tổng số văn bản đi/đến với các đơn vị bên ngoài (%): ……

+ Tỉ lệ văn bản đi/đến được chuyển song song trên môi trường mạng và qua đường công văn trực tiếp trên tổng số văn bản đi/đến trong nội bộ đơn vị (%): ……

+ Tỉ lệ văn bản đi/đến được chuyển song song trên môi trường mạng và qua đường công văn trực tiếp trên tổng số văn bản đi/đến với đơn vị bên ngoài (%): ……

d. Tỷ lệ văn bản không mật trình Bộ dưới dạng điện tử (bao gồm cả các văn bản trình song song cùng văn bản giấy):..............

. Kiến nghị về việc triển khai hệ thống quản lý văn bản và điều hành:………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

4.2. Kết quả triển khai các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu

Danh sách các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tại đơn vị

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu | Đối tượng thông tin quản lý | Phạm vi ứng dụng | Công nghệ sử dụng | Khả năng kết nối, chia sẻ thông tin | Hiện trạng (*Đã triển khai, Đang xây dựng, Dự kiến triển khai*) | Năm triển khai | Nơi lưu trữ dữ liệu | Số bản ghi cập nhật (1/1/2018-31/10/2018) | Đơn vị chịu trách nhiệm cập nhật cơ sở dữ liệu |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

*Ghi chú:*

*- Nơi lưu trữ dữ liệu ghi rõ: lưu trữ tại máy chủ đặt tại đơn vị hay thuê ngoài*

**6. Nguồn nhân lực ứng dụng CNTT**

6.1. Tổng số cán bộ chuyên trách về CNTT [[2]](#footnote-3): ……

- Trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ chuyên trách CNTT (văn bằng trong lĩnh vực CNTT):

Tiến sỹ: …… Thạc sỹ: ……

Đại học: …… Cao đẳng: ……

Trung cấp: …… Khác: ……

6.3. Những thuận lợi, khó khăn về nguồn lực cho ứng dụng CNTT

Thuận lợi

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

Khó khăn

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**MỤC 4. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ THEO KẾ HOẠCH ỨNG DỤNG CNTT NĂM 2018**

1. Các đơn vị căn cứ Quyết định 3768/QĐ-BKHCN ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin tại Bộ Khoa học và Công nghệ năm 2018, rà soát các nhiệm vụ, dự án mà đơn vị mình được giao và báo cáo kết quả thực hiện theo bảng sau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên nhiệm vụ dự án** | **Thời gian dự kiến thực hiện trong kế hoạch đã ban hành** | **Thời gian thực hiện thực tế** | **Mức độ hoàn thành so với kế hoạch đề ra (%)** | **Lý do nếu chưa triển khai** |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |

**MỤC 6: KẾ HOẠCH ỨNG DỤNG CNTT NĂM 2019**

1. Danh sách các nhiệm vụ, dự án dự kiến triển khai trong năm 2019, liệt kê chi tiết trong bảng sau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên nhiệm vụ, dự án** | **Thời gian thực hiện** | **Nguồn kinh phí dự kiến thực hiện** | | |
| **Nhiệm vụ thường xuyên** | **Đề tài, dự án** | **Khác** |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |

2. Danh sách các dịch vụ công trực tuyến đăng ký triển khai trong năm 2019

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên dịch vụ công trực tuyến** | **Mức độ triển khai năm 2019** |
| 1 |  |  |
| 2 |  |  |
| ... |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| ……, ngày ...... tháng ...... năm ......  **Người khai**  *(Ký và ghi rõ họ, tên)* | …….., ngày ...... tháng ...... năm ......  **Thủ trưởng cơ quan**  *(Ký tên, đóng dấu)* |

1. Bao gồm số cán bộ, công chức, viên chức của tất cả các đơn vị thuộc, trực thuộc đơn vị. [↑](#footnote-ref-2)
2. Là các cán bộ được giao chuyên phụ trách mảng ứng dụng CNTT tại đơn vị [↑](#footnote-ref-3)